

Số: \_\_\_\_/TTr-VTDK-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng .... năm 2025

DỰ THẢO

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**V/v Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Căn cứ tình hình thị trường và các nguồn lực hiện có, Hội đồng quản trị xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2025 như sau:

**1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:**

*ĐVT: Tỷ đồng*

| Stt | Chỉ tiêu               | Hợp nhất | Công ty mẹ |
|-----|------------------------|----------|------------|
| 1   | Vốn điều lệ            | 4.699,4  | 4.699,4    |
| 2   | Doanh thu              | 10.300,0 | 3.000,0    |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế   | 1.200,0  | 600,0      |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế     | 960,0    | 482,0      |
| 5   | Nộp ngân sách Nhà nước | 380,0    | 215,0      |

**2. Các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ:**

*ĐVT: Tỷ đồng*

| Stt       | Chỉ tiêu                       | Kế hoạch       |
|-----------|--------------------------------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng vốn đầu tư</b>         | <b>3.551,0</b> |
| 1         | Đầu tư tàu (*)                 | 3.525,0        |
| 2         | Mua sắm trang thiết bị và TSCĐ | 11,0           |
| 3         | Đầu tư góp vốn vào ĐVTV        | 15,0           |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn đầu tư</b>        | <b>3.551,0</b> |
| 1         | Vốn chủ sở hữu                 | 1.261,0        |
| 2         | Vốn vay + khác                 | 2.290,0        |

- (\*) Tổng mức đầu tư được quy đổi theo tỷ giá kế hoạch là 25.000 VND/USD, giá trị thực hiện/quyết toán (VND) được tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm thực hiện đầu tư/quyết toán.
- Chi tiết tại phụ lục đính kèm.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu cần) để phù hợp với tình hình thực tế thị trường.

Kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Phạm Việt Anh**

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 CỦA CÔNG TY MẸ**

| TT       | Tên dự án   | Trọng tải  | Đơn vị tính    | Kế hoạch 2025  |                |                | Ghi chú                                     |
|----------|---|--|----------------|----------------|----------------|----------------|---|
|          |   |  |                | Tổng số        | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay + khác |   |
|          | <b>Tổng cộng (A+B+C)</b>  |  | <b>Tỷ đồng</b> | <b>3.551,0</b> | <b>1.261,0</b> | <b>2.290,0</b> |   |
|          | Ngoại tệ  |  | Tr. USD        | 141,0          | 49,4           | 91,6           |   |
|          | Nội tệ  |  | Tỷ đồng        | 26,0           | 26,0           | -              |   |
| <b>A</b> | <b>Các Dự án (*)</b>  |  | <b>Tr.USD</b>  | <b>141,0</b>   | <b>49,4</b>    | <b>91,6</b>    |   |
| <b>1</b> | <b>Dự án chuyển tiếp</b>  |  |                |                |                |                |   |
| 1.1      | Đầu tư 01 tàu dầu sản phẩm MR hoặc 01 tàu hàng rời  | - Tàu MR 45k-55k DWT<br>- Tàu hàng rời 25k-75k DWT   | Tr. USD        | 29,0           | 10,2           | 18,8           | Dự án chuyển tiếp và bổ sung chủng loại tàu |
| 1.2      | Đầu tư 02 tàu dầu sản phẩm MR hoặc 01 tàu dầu thô Aframax   | - Tàu MR 45k - 55k DWT<br>- Tàu Aframax 80k-120k DWT | Tr. USD        | 52,0           | 18,2           | 33,8           | Dự án chuyển tiếp                           |
| <b>2</b> | <b>Dự án khởi công mới</b>  |  |                |                |                |                |   |
| 2.1      | Đầu tư 01 tàu size lớn LNG/VLGC hoặc từ 01 đến 03 tàu (tàu dầu thô, tàu dầu sản phẩm, tàu dầu hóa chất) | - Khoảng 19k DWT đến 140k DWT                        | Tr.USD         | 60,0           | 21,0           | 39,0           | Dự án đầu tư mới                            |
| <b>B</b> | <b>Mua sắm tài sản cố định</b>  |  | Tỷ đồng        | <b>11,0</b>    | <b>11,0</b>    |                |   |
| <b>C</b> | <b>Đầu tư tài chính (**)</b>  |  | Tỷ đồng        | <b>15,0</b>    | <b>15,0</b>    |                |   |
| <b>1</b> | <b>Dự án chuyển tiếp</b>  |  |                |                |                |                |   |
| 1.1      | Góp vốn bổ sung Công ty HH Thăng Long   |  | Tỷ đồng        | 15,0           | 15,0           |                | Dự án chuyển tiếp                           |

*Ghi chú:*

- Tỷ giá để ghi nhận danh mục đầu tư tại thời điểm phê duyệt kế hoạch năm 2025 là 25.000 VNĐ/USD. Giá trị thực hiện/quyết toán (VNĐ) được tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm thực hiện đầu tư/quyết toán;
- Cơ cấu vốn vay sẽ được cập nhật theo thực tế tình hình thu xếp vốn của từng dự án;
- (\*, \*\*) PVTrans thực hiện đầu tư sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, của Tổng công ty và chủ động kế hoạch thu xếp vốn đảm bảo hiệu quả đầu tư.